

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/DS-PT
Ngày: 27-02-2020
“V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mộc H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị G, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp 3, xã Bình Hòa Đ, huyện Mộc H, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp 3, xã Bình Hòa Đ, huyện Mộc H, tỉnh Long An.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lê Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị G trình bày:

Tháng 02 năm 2017 âm lịch, bà T có làm chủ thảo dây hụi 20.000.000đồng, hụi có 11 phần hụi, bà G có tham gia 01 phần. Các lần khai hụi tính theo vụ thu hoạch lúa, bà G đóng hụi được 05 lần, cụ thể: Lần 1, tháng 02/2017 âm lịch (khoảng tháng 3/2017 dương lịch). Lần 2, tháng 6/2017 (khoảng tháng 7/2017 dương lịch). Lần 3, tháng 02/2018 âm lịch (khoảng tháng 3/2018 dương lịch). Lần 4, tháng

6/2018 âm lịch (khoảng tháng 7/2018 dương lịch). Lần 5, tháng 02/2019 âm lịch (khoảng tháng 3/2019 dương lịch) đóng hụi 10.800.000đồng.

Sau đó hụi bị vỡ nên bà G yêu cầu bà T phải trả lại số tiền hụi là 100.000.000đồng, yêu cầu trả 1 lần trong thời hạn 1 tháng.

Bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà T thừa nhận là chủ hụi, đây hụi 20.000.000đồng, đây hụi này có 11 phần bà G có tham gia một phần, hụi khai vào ngày 05/4/2017, đóng hụi theo các vụ thu hoạch lúa. Bà G đóng hụi được 05 lần với tổng số tiền 56.100.000 đồng, cụ thể:

Lần 1, tháng 02/2017 âm lịch (khoảng tháng 3/2017 dương lịch) góp 12.000.000.000đồng.

Lần 2, tháng 6/2017 (khoảng tháng 7/2017 dương lịch) góp 10.800.000.000đồng.

Lần 3, tháng 02/2018 âm lịch (khoảng tháng 3/2018 dương lịch) góp 12.000.000đồng.

Lần 4, tháng 6/2018 âm lịch (khoảng tháng 7/2018 dương lịch) góp 10.500.000đồng.

Lần 5, tháng 02/2019 âm lịch (khoảng tháng 3/2019 dương lịch) góp 10.800.000đồng.

Tổng số tiền hụi bà G đã góp là 56.100.000đồng. Sau đó hụi bị vỡ nên bà đồng ý trả lại cho bà G số tiền hụi đã góp là 56.100.000đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 76/2019/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mộc H tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp Hụi của bà Lê Thị Gđôi với bà Lê Thị T.

Buộc bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị G65.980.000 (sáu mươi lăm triệu chín trăm tám mươi ngàn) đồng, bao gồm 56.100.000đồng tiền gốc và 9.880.000 đồng tiền lãi.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị T phải chịu số tiền 3.299.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Gphải chịu số tiền 1.701.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền 2.500.000đồng tạm ứng án phí bà G đã nộp theo biên lai thu số 0002955 ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc H, hoàn trả bà G số tiền 799.000đồng.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi và trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi: Được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 12/11/2019 bà Lê Thị G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án buộc bà T phải trả cho bà 100.000.000đồng gồm tiền gốc và tiền lãi hụi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Phản tranh luận:

Bà G trình bày: Bà không đồng ý với mức lãi suất 0,83%/tháng theo như bản án sơ thẩm, bà yêu cầu tính lãi hụi theo lãi hụi chết, tức là bà góp hụi được 5 kỳ nên phải trả lại cho bà 100.000.000đồng cả gốc và lãi hụi.

Bà T trình bày: Do bà G đề nghị rút vốn và không góp hụi nữa chứ không phải bà bãi hụi. Sau đó các hụi viên đều thống nhất ngưng hụi và bà đã trả lại tiền vốn mà các hụi viên đã góp, chỉ có bà G là không đồng ý nhận lại vốn gốc đã góp mà yêu cầu bà trả 100.000.000đồng nên bà không đồng ý.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Các đương sự trình bày thống nhất là rã hụi và thống nhất số tiền vốn gốc đã góp hụi là 65.100.000đồng. Bà G cho rằng chơi hụi phải có lãi và đã đóng hụi được 5 kỳ nên yêu cầu bà T phải trả lại vốn gốc và lãi hụi là 100.000.000đồng là không có cơ sở. Bản án sơ thẩm tính lãi hụi theo mức lãi suất 0,83%/tháng là có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bà G và bà T trình bày thống nhất, bà G có tham gia dây hụi 20.000.000 đồng, mở vào tháng 02/2017 (al) tức tháng 03/2017 (dl) do bà T làm chủ hụi, đây là hụi hoa hồng có lãi, gồm có 11 phần, bà G tham gia 1 phần, hụi mở theo vụ thu hoạch lúa. Bà G đã góp hụi sống cho bà T được 05 kỳ, cụ thể như sau:

Kỳ 1, tháng 02/2017 (al) tức tháng 3/2017 (dl) góp 12.000.000.000đồng.

Kỳ 2, tháng 6/2017 (al) tức tháng 7/2017 (dl) góp 10.800.000.000đồng.

Kỳ 3, tháng 02/2018 (al) tức khoảng tháng 3/2018 (dl) góp 12.000.000đồng.

Kỳ 4, tháng 6/2018 (al) tức khoảng tháng 7/2018 (dl) góp 10.500.000đồng.

Kỳ 5, tháng 02/2019 (al) tức khoảng tháng 3/2019 (dl) góp 10.800.000đồng.

Tổng số tiền hụi bà G đã góp là 56.100.000đồng.

[3] Bà G cho rằng đã góp hội được 5 kỳ nên kháng cáo yêu cầu bà T trả tiền gốc và lãi hội tổng cộng là 100.000.000đồng theo mức lãi hội chết. Xét thấy, các đương sự trình bày thống nhất sau khi góp được 5 kỳ thì hội bị vỡ nên không tiếp tục thực hiện. Bà T làm chủ hội phải có trách nhiệm trả lại tiền góp hội sống cho các hội viên trong đó có bà G. Tuy nhiên, bà G không đồng ý nhận lại số tiền vốn mà yêu cầu bà T phải trả lại tiền vốn gốc và tiền lãi theo mức lãi hội chết, tuy nhiên hội chỉ góp được 5 kỳ thì bị vỡ hội nên yêu cầu tính lãi theo mức lãi hội chết của bà G là không có cơ sở. Do các đương sự có tranh chấp về lãi hội và không thống nhất mức lãi suất nên án sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do các đương sự không xác định được chính xác ngày góp hội nên án sơ thẩm tính số tiền lãi của 5 kỳ hội theo tháng là có cơ sở và tại phiên tòa phúc thẩm bà G cũng đồng ý với thời gian tính lãi hội của án sơ thẩm. Do đó không chấp nhận kháng cáo của bà G, chấp nhận đề nghị của bà Kiểm sát viên.

[4] Án sơ thẩm buộc bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận nhưng không tuyên bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà G là có thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo Điều 29 Nghị quyết 326.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị G;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 76/2019/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mộc H;

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ Luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị G đối với bà Lê Thị T về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”.

2. Buộc bà Lê Thị T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị G số tiền hội gốc 56.100.000đồng và tiền lãi 9.880.000đồng, tổng cộng gốc và lãi là 65.980.000đồng.

3. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Gyêu cầu bà Lê Thị T trả số tiền lãi 34.020.000đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Buộc bà Lê Thị T phải chịu 3.299.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Buộc bà Lê Thị G phải chịu 1.701.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp là 2.500.000đồng theo biên lai thu số 0002955 ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc H, hoàn trả bà G số tiền 799.000đồng.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị G phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm bà G đã nộp theo biên lai thu số 0003001 ngày 12/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc H.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Mộc H;
- Chi cục THADS huyện Mộc H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Phúc

Các thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Hồng Vân – Lê Minh Tuấn

Trịnh Thị Phúc

